

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai
Chương: 414

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Tư pháp công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 của Sở như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	3.530,00	1.715,85	48,61%	83,94%
1	Lệ phí (Lệ phí nhập, thôi quốc tịch, cấp mới cấp lại thẻ Công chứng viên...)	30,00	9,30	31,00%	94,90%
2	Phí (Phí cung cấp thông tin LLTP, Phí xác nhận quốc tịch, phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp...)	3.500,00	1.706,55	48,76%	83,90%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.975,00	613,86	20,63%	80,88%
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	2.975,00	613,86	20,63%	80,88%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.975,00	613,86	20,63%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	555,00	264,91	47,73%	83,89%
1	Lệ phí (Lệ phí nhập, thôi quốc tịch, cấp mới cấp lại thẻ Công chứng viên...)	30,00	9,30	31,00%	94,90%

1

2	Phí (Phí cung cấp thông tin LLTP, Phí xác nhận quốc tịch, phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp...)	525,00	255,61	48,69%	83,54%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.040,00	4.231,87	24,83%	92,15%
1	Chi quản lý hành chính	17.040,00	4.231,87	24,83%	92,15%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.327,00	2.507,84	57,96%	98,65%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.713,00	1.724,03	13,56%	84,10%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 8 tháng 7 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Võ Thị Xuân Đào